

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HSST

Ngày: 11/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG -TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyết, ông Nguyễn Công Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2020/HSST ngày 21/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/HSST-QĐ ngày 29/5/2020, đối với bị cáo:

Trần Văn T (Trần Nam T), sinh năm 1976; ĐKKHKT và cư trú: Thôn Q, xã K, huyện KT, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Nam H và bà Đặng Thị L; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 15/1997/HSPT ngày 24/12/1997, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/9/1999, thi hành án dân sự ngày 28/10/1997.

- Bản án số 22/2004/HSST, Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/8/2005, thi hành án dân sự ngày 13/6/2007.

- Bản án số 21/2006/HSST ngày 14/6/2006, Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/7/2007, thi hành án dân sự ngày 13/6/2007.

- Bản án số 48/2008/HSST ngày 29/10/2008, Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/11/2010, thi hành án dân sự ngày 09/3/2010.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 21/02/2020 tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Hữu K1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu PL, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Lê Văn D, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Khu PL, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T (Nam T) là nhân viên bảo vệ chợ K thuộc ban quản lý chợ K, KT, Hải Dương. Đêm ngày 18/02/2020, rạng sáng ngày 19/02/2020, T làm nhiệm vụ tuần tra bảo vệ tại chợ K, tình cờ nhặt được khẩu súng ngắn kiểu ổ quay, bên trong có 4 viên đạn tại bờ kè sông AT (còn gọi là sông C), cạnh nhà để xe của chợ K, sau đó T cất giấu vào túi áo khoác đang mặc, khi hết ca trực, T về nhà riêng tại thôn Q, xã K, huyện KT, tỉnh Hải Dương nghỉ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha –Exciter, BKS 34C1-115.72 của T đến khu vực giáp ranh giữa xã Đ thuộc huyện AD, thành phố Hải Phòng và xã KL thuộc huyện KT, tỉnh Hải Dương tìm mua ma túy đá về sử dụng. Khi đi, T mang theo khẩu súng nhặt được nêu trên với mục đích để phòng thân. Tại đây, T gặp và mua được 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ của một người phụ nữ không quen biết, khoảng 50 tuổi. Sau khi mua được ma túy đá, T cất giấu vào túi quần đang mặc rồi đi về đường AD, thành phố H tìm gặp bạn nhưng không gặp nên T quay về KT, khi đi đến cầu vượt PL theo hướng Hà Nội đi Hải Phòng thuộc địa phận phường NC, thành phố H thì bị tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát cơ động – Công an tỉnh Hải Dương phối hợp với Công an phường NC bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Hữu K1 và anh Lê Văn D.

Tại kết luận giám định số 1054 ngày 24/02/2020, Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: Khẩu súng gửi đến giám định là súng tự chế, kiểu ổ quay cỡ nòng 5,6mm, có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng, 04 viên đạn gửi giám định là đạn cỡ 5,6x 15,5mm, không phải vũ khí quân dụng và sử dụng bắn được bằng khẩu súng trên. Khi sử dụng súng và đạn nêu trên nếu bắn vào cơ thể người gây chết và bị thương.

Tại Kết luận giám định số 124/KLGD-PC09 ngày 22/02/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong phong bì ghi thu của Trần Văn T, gửi đến giám định có khối lượng là 1,153 gam là ma túy loại Methamphetamine. (Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT: 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 1,153 gam Methamphetamine sau giám định hoàn lại 1,026 gam Methamphetamine được đựng trong phong bì số 124/KLGD-PC09 có dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương; 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, BKS 34C1-115.72 hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H; 01 khẩu súng tự chế, kiểu ổ quay, 04 viên đạn sau giám định hoàn lại 01 khẩu súng và 03 viên đạn hiện đang quản lý tại Phòng kỹ thuật - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương. 01 đăng ký xe mang tên Vương Quốc A hiện đang được quản lý trong hồ sơ.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2, ngày 18/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Văn T (Trần Nam T) về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (Trần Nam T), phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T (Trần Nam T) từ 21 tháng đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 20/02/2002; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 1,026 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định được đựng trong phong bì số 124/KLGD-PC09 có dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương; Trả bị cáo 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, BKS 34C1-115.72, 01 giấy đăng ký xe; Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương 01 khẩu súng tự chế, kiểu ổ quay, 03 viên đạn để xử lý theo thẩm quyền.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Trần Văn T (Trần Nam T) tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 2 giờ, ngày 20/02/2020, tại khu vực gầm cầu vượt PL, thuộc phường NC, thành phố H, Trần Văn T (Trần Nam T) có hành vi cất giấu trái phép 1,153 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng và 01 khẩu súng tự chế, kiểu ổ quay cỡ nòng 5,6mm, có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng, 04 viên đạn cỡ 5,6x 15,5mm thì bị tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát cơ động – Công an tỉnh Hải Dương phối hợp Công an phường NC bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm vào chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy cũng như chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước, đe dọa đến trật tự an toàn công cộng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước cấm sản xuất, quản lý và sử dụng, vũ khí quân dụng là nguồn nguy hiểm cao độ đối với xã hội chỉ có các cơ quan Nhà nước mới có thẩm quyền quản lý nhưng vì mục đích thỏa mãn cơn nghiện, ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Việc bị cáo cất giấu trái phép 1,153 gam Methamphetamine để sử dụng và tàng trữ 01 khẩu súng, 04 viên đạn với mục đích để phòng thân là vi phạm pháp luật. Mặc dù súng bị cáo tàng trữ không thuộc danh mục vũ khí do Chính phủ ban hành nhưng lại có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng nên được xác định là vũ khí quân dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm trọng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Năm 1997, 2004, 2006, 2008, bị cáo đã bị các Tòa án xét xử về hành vi Cướp tài sản của công dân, Trộm cắp tài sản. Tuy không xác định là tiền án đối với bị cáo nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm hai tội do đó khi quyết định hình phạt cần xem xét quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng:

Đối với 1,026 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định được đựng trong phong bì số 124/KLGD-PC09 có dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương là chất cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy; Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, BKS 34C1-115.72, bị cáo sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy về sử dụng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của bị cáo, bị cáo không trực tiếp sử dụng làm phương tiện cất giữ ma túy và khẩu súng nên cần trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Exciter và 01 giấy đăng ký xe mang tên Vương Quốc A; Đối với 01 khẩu súng tự chế, kiểu ô quay có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng, bên trong hộp tiếp đạn có 04 viên đạn sau khi giám định hoàn lại 03 viên đạn mặc dù 03 viên đạn không phải vũ khí quân dụng nhưng sử dụng bắn được bằng khẩu súng trên. Khi sử dụng súng và đạn nêu trên nếu bắn vào cơ thể người gây chết và bị thương do vậy cần giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương xử lý theo thẩm quyền.

[5] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về vấn đề khác: Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo, người bạn bị cáo khai hẹn gặp tại thành phố H, do không biết họ tên, địa chỉ cụ thể không làm rõ được nên không có căn cứ xử lý.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (Trần Nam T) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T (Trần Nam T) 21 (Hai mươi mốt) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 20/02/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 1,026 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định được đựng trong phong bì số 124/KLGĐ-PC09 có dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương; Trả lại bị cáo 01 xe mô tô kiểu dáng Exciter, BKS 34C1-115.72, số khung: 10CY166854; số máy: 55P1166857 và 01 bản chính đăng ký xe mô tô mang tên Vương Quốc A (*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 19/5/2020*).

Giao 01 khẩu súng tự chế và 03 viên đạn cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương để xử lý theo thẩm quyền (*theo Lệnh nhập kho ngày 02/3 và ngày 06/3/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Phòng kỹ thuật – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T (Trần Nam T) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan